

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DSST

Ngày: 13/7/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Khánh và ông Ngô Đình Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019, về việc *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L – Sinh năm: 1970;

HKTT: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Tạm trú: 49 Tổ H, phường C, tHnh phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thanh N – Sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị Ngọc H – Sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 29/4/2017, ông N, bà H có vay của bà L số tiền 40.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau 05 ngày ông N, bà H sẽ hoàn trả số tiền gốc và lãi. Khi đến hạn, bà L nhiều lần yêu cầu nhưng ông N, bà H không trả mà cố tình hện hết lần này đến lần khác. Do đó, nay bà L yêu cầu ông N, bà H phải trả số tiền đã vay còn nợ 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến khi xét xử, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông N, bà H đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa phát

biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, xác định ông N, bà H có vay và còn nợ của bà L số tiền 40.000.000 đồng, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi. Do đó, việc bà L yêu cầu là có căn cứ, đề nghị HĐXX buộc ông N, bà H phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giữa bà L và ông N, bà H có thỏa thuận, ký kết hợp đồng vay vào ngày 29/4/2017, với thời hạn vay là 05 ngày. Khi đến hạn, bà L nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả số tiền đã vay còn nợ nhưng không được nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[3] Căn cứ vào giấy vay mượn tiền đã ký kết giữa ông N, bà H với bà L thì ngày 29/4/2017, ông N, bà H có vay của bà L số tiền 40.000.000 đồng, với thỏa thuận sau 05 ngày sẽ trả gốc và lãi. Khi đến hạn, bà L nhiều lần yêu cầu nhưng ông N, bà H cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết, mặc dù Tòa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N, bà H cố tình bỏ mặc không phối hợp để Tòa tiến hành hòa giải, giải quyết theo quy định. Do đó, việc bà L yêu cầu Tòa buộc ông N, bà H phải trả số tiền gốc đã vay 40.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Ngày 29/4/2017 đến 13/7/2020 là 03 năm 02 tháng 14 ngày (tương ứng với 3,2 năm), lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật. Lãi suất ông N, bà H phải trả cho bà L theo quy định là: $3,2 \times 10\% \times 40.000.000 \text{ đồng} = 12.800.000 \text{ đồng}$.

[5] Như vậy, buộc ông N, bà H phải trả cho bà L 40.000.000 đồng tiền gốc và 12.800.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 52.800.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với 5% số tiền phải trả cho nguyên đơn là 52.800.000 đồng, nên ông N, bà H phải chịu 2.640.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 52.800.000 đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*) gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 12.800.000 đồng tiền lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí DSST: Bị đơn ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 2.640.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0014215 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện (nay là thị xã) Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Tấn Hồng

